

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN  
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ -ST

Ngày 10/8/2020

"V/v ly hôn và nuôi con chung"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN huyện

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

***- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2020/TLST - HNGĐ ngày 29/4/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ph, SN 1986 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, SN 1985 ( có mặt)

*Người có QLVN liên quan:*

1. Cháu Nguyễn Phạm Văn T, SN 06/7/2008

2. Cháu Nguyễn Phạm Văn G, SN 18/01/2010

Người đại diện hợp pháp của các cháu: chị Ph – mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: PU, PU, Ân Thi, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu: Ông Phạm Đức Lăng – Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2020 và lời khai của chị Ph trình bày chị và anh D có thời gian tìm hiểu nhau, rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PU vào ngày 10/9/2007. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh D chung sống. Đến năm 2010, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh D chơi bời cờ bạc nên dẫn đến nợ nần, chị khuyên anh D không nghe, trong khi anh D làm được một thời gian

công ty này thì lại xin nghỉ vì lý do sức khỏe, công việc bấp bênh, không ổn định, anh D đi làm nhưng chị không biết một đồng của anh D, chị hỏi thì anh D bảo phải trả nợ, kinh tế không tập trung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn, năm 2017 anh D đã từng làm đơn xin ly hôn nhưng lại rút đơn về để vợ chồng ở với nhau nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được, anh D ngày càng quá đáng hơn, rượu chè say sấn về chửi bới, chị nói vài câu là đánh chị, sau đó anh D lại xin lỗi và hứa với chị thay đổi, nhưng chỉ được một thời gian lại đầu vào đấy, chị có bảo anh D để yên cho chị làm ăn nuôi con nhưng anh D cũng không chịu, nhiều lần anh D đánh chị, chị không thể chịu đựng được nên đã đánh trả anh D, gia đình có biết, khuyên ngăn cũng không có kết quả. Đầu tháng 4/2020, chị có gọi anh D dậy đi làm nhưng anh D không dậy, sau đó chị có nói vài câu, anh D đánh đuổi chị, chị không thể chịu đựng được nữa nên về nhà bố mẹ đẻ ở. Vài ngày sau anh D có đến xin lỗi nhưng chị xác định tình tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên không về mà chị làm đơn xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Phạm Văn T, SN 06/7/2008 và Nguyễn Phạm Văn G, SN 18/01/2010.

Về Tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị Ph có thời gian tìm hiểu nhau, rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PU vào ngày 10/9/2007. Sau khi cưới chị Ph về ngay gia đình anh chung sống, chúng tôi có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 2 con chung. Đến năm 2010 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau nhưng vợ chồng nào chẳng có lúc này lúc khác, sức khỏe anh không tốt nên đi làm cũng không được nhiều, dẫn đến anh có chơi bời nên nợ nần, vì kinh tế mà vợ chồng mâu thuẫn. Do mâu thuẫn, năm 2017 anh đã làm đơn xin ly hôn chị Ph mục đích để dọa chị Ph, nhưng nghĩ vì con cái gia đình nên tôi rút đơn về luôn để vợ chồng ở với nhau, từ đó vợ chồng anh cũng không hòa hợp được, anh nợ nần đi làm để trả nợ các khoản nợ của anh nên không thể đưa cho chị Ph đồng nào nhưng cũng không phải để chị Ph phải trả cho anh, cũng như không xin chị Ph đồng nào. Hơn nữa, trong lúc nóng giận anh có nhiều lần đánh, chửi vợ, hết nóng anh lại hối hận, và hứa với chị Ph không như vậy nữa, anh đã phải chặt một ngón tay đi để chứng minh là sẽ thay đổi, sau đó anh vẫn chăm sóc chị Ph, vợ chồng lại chung sống bình thường. Đầu tháng 4 trước buổi sáng cô Ph gọi anh dậy để đi làm nhưng anh mệt nên anh bảo cô Ph xuống gọi em trai, hai chị em đi làm, sau đó chị Ph đèo xú, anh tức giận xuống có đánh chị Ph, chị Ph bỏ về nhà. Nay chị Ph xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về ở với nhau để nuôi dạy con chung, nếu chị Ph không muốn tiếp tục chung sống với tôi nữa thì vợ chồng cứ sống ly thân nhau cho con có bố có mẹ vì cô Ph xin ly hôn trong lúc nóng giận, cần thời gian suy nghĩ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Phạm Văn T, SN 06/7/2008 và Nguyễn Phạm Văn G, SN 18/01/2010.

Về Tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị Dung ( mẹ đẻ của anh D) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chịPh, anh D vào năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã PU. Sau khi thành vợ chồng chịPh về ngay gia đình bà chung sống. Quá trình chung sống anh chị chung sống bình thường và sinh được 2 con chung tuy trong cuộc sống anh, chị cũng có mâu thuẫn nhưng so với vợ chồng bà thì chưa là gì. Tháng 4/2020 bà đi làm, ở nhà anh chị cãi nhau, chịPh mang hết quần áo về, bà về hỏi thì con trai út của bà nói sáng ra anh chị cãi nhau, anh D bảo ốm không đi làm được, có bảo chịPh là xuống nhà gọi em đi làm, chịPh xuống đến sân vắng này vắng nọ, bảo làm vài ngày lại ốm đau, anh D nghe được cảm điều xuống có đánh chịPh, chịPh đánh lại và vào nhà lấy quần áo bỏ về nhà, bà có nói chuyện với anh D thì hôm sau anh D sang nói chuyện và bảo chịPh về nhưng không về, khoảng 4 ngày sau bà có sang nói chuyện với bà của chịPh để bảo chịPh về ở để cùng nuôi dạy con chung, thì chịPh bảo với bà “đời mẹ khác, đời con khác, con không chịu khổ như mẹ đâu”, bà thấy chịPh nói vậy nên đứng lên đi về. Nay chịPh xin ly hôn anh D, việc vợ chồng anh D, chịPh có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh D, chịPh

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Phạm Văn T, SN 06/7/2008 và Nguyễn Phạm Văn G, SN 18/01/2010

Về Tài sản chung, công sức, công nợ: Anh D, chịPh không có

Tại biên bản lấy lời khai của chị Phạm Thị Mơ (em gái của chịPh) trình bày: Chị là em gái ruột của chịPh, anh D, chịPh tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị vào tháng 9/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PU. Cưới xong, chịPh về ngay gia đình chồng chung sống, quá trình chung sống được một thời gian thì vợ chồng anh D, chịPh mâu thuẫn nguyên nhân chỉ có mỗi việc chơi họ, anh D bắt chịPh phải rút, nhưng chịPh không rút thì anh D quay ra đánh, chị cũng có mặt ở đó, có nói anh D thôi nhưng anh D nói với tôi “cút về đi”, sự việc xong lại thôi nhưng khoảng lâu lâu anh D lại đánh chịPh, chịPh vì nghĩ đến con cái nên tiếp tục chung sống với anh D, nhưng anh D không chịu thay đổi, thời gian gần đây chịPh làm đơn xin ly hôn, anh D thường xuyên lên nhà chị để bảo chịPh về ở, nếu không về thì sẽ giết, mà không được lời nói nào tử tế, cụ chị ở nhà luôn lo sợ bị anh D phá khuấy.

Ông Trần Văn Ban (trưởng thôn PU) trình bày: Anh D, chịPh là vợ chồng, anh chị chung sống thường có việc đánh cãi nhau nguyên nhân ông không biết, chịPh đã về nhà bố mẹ đẻ ở vài lần. Anh D, chịPh đánh nhau nhưng không báo cáo chính quyền nên không giải quyết. Anh D sinh sống tại địa phương có việc chơi bời (cụ thể là cờ bạc).

Tại biên bản xác minh với UBND xã PU: ChịPh, anh D là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã PU vào ngày 10/9/2007 tại số 42. Quá trình chung sống chịPh, anh D chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: ChịPh, anh D có 02 con chung là Nguyễn Phạm Văn T, SN 06/7/2008 và Nguyễn Phạm Văn G, SN 18/01/2010

Về Tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

**Tại phiên tòa :** Chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn vì tình cảm không còn, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên xô sát, còn anh D xác định vợ chồng có mâu thuẫn do anh có chơi cờ bạc, làm ăn kinh tế, đã có lần anh đã làm đơn xin ly hôn chị, nay anh xin đoàn tụ. Về con chung: Anh D xác định nếu anh nuôi cả 02 con chung, anh cấm chị Ph sang chơi, còn nếu chị Ph nuôi con anh sẽ không thêm hay chăm về trợ cấp nuôi con, sau này anh có anh sẽ trợ cấp cho chị Ph. Chị Ph xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng, anh D đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu, ông Lăng có quan điểm: Anh D, chị Ph có 02 con chung là Nguyễn Phạm Văn T, SN 2008 và Nguyễn Phạm Văn G, SN 2010. Quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của cả hai cháu đều xin được ở với mẹ. Tại phiên tòa anh D, chị Ph thống nhất được để chị Ph nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng: Chị Ph không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

***\* Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân gia đình ; Khoản 4 điều 147; điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị Ph được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Anh D, chị Ph có 02 con chung là Nguyễn Phạm Văn T, SN 06/7/2008 và Nguyễn Phạm Văn G, SN 18/01/2010. Tại phiên tòa anh D, chị Ph đã thống nhất thỏa thuận để chị Ph trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung đến khi các cháu thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Ph. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không có nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí: ChịPh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các Tliệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ChịPh, anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PU vào ngày 10/9/2007. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chịPh, anh D là hợp pháp. Nay chịPh có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh D đang cư trú tại PU, PU, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: ChịPh, anh D đều xác định năm 2010, vợ chồng sau một thời gian chung sống thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, hơn nữa anh D còn chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần, chịPh nói không được nên mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, mâu thuẫn kéo dài vì vậy anh D đã làm đơn xin ly hôn chịPh, nhưng sau đó suy nghĩ lại rút đơn về và vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra, anh D không thay đổi vẫn chơi bời, trong khi lại đánh chịPh tím mắt, xúc phạm chịPh, đã phải có lần anh D chặt ngón tay để hứa thay đổi, nhưng anh D vẫn không thể thay đổi được, kinh tế anh D đi làm không đưa tiền cho chị để chi tiêu gia đình, lo cho con cái. Anh D thừa nhận vợ chồng đã có mâu thuẫn nhiều lần do anh chơi bời cờ bạc và từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng tháng 4/2020, vợ chồng chịPh, anh D đánh nhau nên chịPh về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng chị sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai phù hợp với lời khai của bà Dung, chị Mơ, ông Ban. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh D đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung, anh D mong muốn vợ chồng về ở với nhau nhưng anh D không tìm được biện pháp gì để kéo chịPh về ở với mình. Tại phiên tòa hôm nay anh D cũng không đưa ra giải pháp gì để đoàn tụ và có lời nói xúc phạm chịPh. Mâu thuẫn của anh D, chịPh đã kéo dài thể hiện chịPh đã nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng nhau, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chịPh, anh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D, chịPh không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chịPh là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh D, chịPh có 02 con chung là Nguyễn Phạm Văn T, SN 2008 và Nguyễn Phạm Văn G, SN 2010. Nay ly hôn chịPh có nguyện vọng được nuôi 02 cháu và chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D

đồng ý. Xét nguyện vọng của chị Ph phù hợp với nguyện vọng của con chung cả hai cháu đều đồng ý ở với chị Ph và xét về điều kiện kinh tế, chỗ ở của chị Ph đều đảm bảo mọi mặt cho con chung, chị Ph đang làm công nhân may ở công ty tại PU, thu nhập hàng tháng của chị Ph khoảng 7.500.000 đồng. Về cấp dưỡng: Chị Ph không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị là tự nguyện. Việc anh D, chị Ph đã tự nguyện thỏa thuận việc nuôi con chung và cấp dưỡng là tự nguyện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có cơ sở.

[4] Về Tài sản chung, công sức, công nợ: Anh D, chị Ph không đề nghị Tòa giải quyết

[5] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ph được ly hôn anh Nguyễn Văn D

2- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh D, chị Ph. Giao cả hai con chung của anh D, chị Ph là Nguyễn Phạm Văn T, SN 06/7/2008 và Nguyễn Phạm Văn G, SN 18/01/2010 cho chị Phạm Thị Ph trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Ph. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về Tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Ph, anh D không đề nghị Tòa giải quyết

4 - Về án phí : Chị Ph phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000552 ngày 29 tháng 04 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Ph đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Ph, anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng GDKT và THA tỉnh
- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã PU, Ân Thi;
- Lưu HSVA.

**Nguyễn Đồng Dục**

